

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **99** /2022/HNGĐ – ST

Ngày: 21 - 9 -2022

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2022/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXX - ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: [anh Nguyễn Hoàng H](#), [sinh năm 1996](#)

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2022 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80, ngày 21/6/2019. Chị và anh Hải chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hòa giải được, chị và anh Hải đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hải.

Về con chung: Chị và anh Hải có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/01/2020. Từ khi chị và anh Hải sống ly thân thì chị là người trực tiếp chăm sóc cháu K. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H có đăng ký hộ khẩu cư trú tại thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; chị Thúy và anh Hải chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn chị Thúy vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Hải đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Thúy và anh Hải tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, nảy sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, anh chị cũng đã sống ly thân một khoảng thời gian dài, sự việc này cũng đã được đại diện ban quản lý thôn và chính quyền địa phương nơi chị Thúy và anh Hải cư trú xác nhận. Trong thời gian sống ly thân chị Thúy và anh Hải không có sự chăm sóc, chia sẻ cho nhau, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, chị Thúy và anh Hải đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị Thúy và anh Hải lâm vào

tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị Thúy yêu cầu ly hôn với anh Hải. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Thúy và anh Hải có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/01/2020. Sau khi ly hôn chị Thúy có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, hiện nay cháu K còn nhỏ, cần có sự trông nom, chăm sóc chu đáo từ người mẹ, mặt khác từ khi chị Thúy và anh Hải sống ly thân thì chị Thúy là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; **Điều 81,82,83,84** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80, ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000507 ngày 20/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà